|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH NINH BÌNH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU KHẢO SÁT SINH VIÊN SAU TỐT NGHIỆP VỀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, đồng thời để nhà trường có cơ sở điều chỉnh về chương trình đào tạo, Trường Đại học Hoa Lư gửi đến Anh/Chị **“Phiếu khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá chương trình đào tạo”.** Anh/Chị vui lòng hoàn thành các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô trống Anh/Chị cho là phù hợp hoặc viết tiếp vào chỗ chấm.

Nhà trường đảm bảo các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật. Vì vậy, xin Anh/Chị hãy trả lời một cách thẳng thắn và khách quan các câu hỏi dưới đây.

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

*Anh/Chị vui lòng cho biết các thông tin sau:*

1. Họ và tên: ............................................... Năm sinh: ......................................................

2. Khóa học: ................................................Ngành học: ...................................................

3. Năm tốt nghiệp: ............................................................................................................

4. Điện thoại: ..............................…… E-mail: ............................................................

5. Địa chỉ liên lạc: ………………………………..……….………………………………

**B. THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM**

*Anh/Chị vui lòng đánh dấu (X) vào ô trống mà Anh/Chị cho là phù hợp:*

1. Kể từ khi tốt nghiệp, Anh/Chị đã có việc làm chưa?

Đã có việc làm *(Nếu Ạnh/Chị đã có việc làm thì không trả lời câu 9,10)*

Chưa có việc làm

2. Anh/Chị có việc làm đầu tiên kể từ khi nào sau khi tốt nghiệp?

Dưới 3 tháng Từ 3- 6 tháng Từ 6-12 tháng Trên 1 năm

3. Hiện nay Anh/Chị đang làm việc cho cơ quan/doanh nghiệp nào?

3.1. Tên và địa chỉ của đơn vị đang công tác: ………………………………………

3.2. Đơn vị công tác của Anh/Chị là?

|  |  |
| --- | --- |
| Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước | Cơ quan/doanh nghiệp nước ngoài |
| Cơ quan/doanh nghiệp tư nhân | Tự tạo doanh nghiệp riêng |

4. Vai trò của Anh/Chị trong đơn vị (Chức danh/Vị trí):......................................................

5. Công việc Anh/Chị đang làm cóphù hợp với ngành được đào tạo không?

Rất phù hợp (Đúng ngành đào tạo) Phù hợp (Gần ngành đào tạo)

Không phù hợp (Trái ngành đào tạo)

6. Kiến thức, kĩ năng học ở trường ĐH Hoa Lư có hữu ích cho công việc của Anh/Chị không?

Rất hữu ích Hữu ích Phần lớn hữu ích Ít hữu ích

Không hữu ích

7.Thu nhập bình quân/tháng của Anh/Chị từ công việc chính đang làm?

Dưới 3 triệu đồng Từ 8 đến 10 triệu đồng

Từ 3 đến 6 triệu đồng Trên 10 triệu đồng

Từ 6 đến 8 triệu đồng

8. Thông tin về việc làm hiện tại của Anh/Chị có được từ nguồn nào? (Anh/Chị tìm kiếm thông tin về công việc từ nguồn nào?)

Giới thiệu từ gia đình, bạn bè, người thân

Giới thiệu từ thầy cô

Thông tin từ nhà tuyển dụng qua cơ sở đào tạo

Thông báo trực tiếp từ nhà tuyển dụng (báo chí, đài, TV, Internet,…)

Khác

9. Những lí do Anh/Chị chưa xin được việc làm?

Thiếu kiến thức chuyên môn nghiệp vụ

Thiếu kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ

Thiếu các mối liên hệ với nhà tuyển dụng

Trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng

Trình độ tin học chưa đáp ứng yêu cầu

Thiếu thông tin tuyển dụng

Thiếu kinh nghiệm làm việc

Khác

10. Nếu chưa có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo, Anh/Chị có:

Đang đi học nâng cao Đang đi học ngành mới

Đang đi học bồi dưỡng Làm công việc khác

11. Theo Anh/Chị, những giải pháp nào sau đây giúp SV tốt nghiệp tìm được việc làm đúng chuyên ngành đào tạo?

Trường cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của xã hội

Trường phối hợp với các nhà sử dụng lao động tổ chức giới thiệu việc làm cho sinh viên

Trường tăng thời lượng thực tế chuyên môn

Trường tăng thời lượng thực hành trong mỗi môn học

Trường bổ sung các khóa đào tạo kỹ năng mềm

Các nhà tuyển dụng được tham gia góp ý xây dựng chương trình đào tạo

Các nhà tuyển dụng tham gia hỗ trợ đào tạo giáo viên

Giải pháp khác…

**C. ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Anh/chị cho biết mức độ đánh giá, hài lòng của mình về các nội dung dưới đây bằng cách chọn 1 trong 5 mức độ đánh giá theo các thang đo cụ thể sau:

*1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Bình thường*

*4. Hài lòng 5. Rất hài lòng*

**I. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về ngành/chuyên ngành đào tạo |  |  |  |  |  |
| 2 | Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng |  |  |  |  |  |
| 3 | Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa, của Trường |  |  |  |  |  |
| 4 | Mục tiêu của chương trình đào tạo được công bố công khai |  |  |  |  |  |
| 5 | Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học |  |  |  |  |  |
| 6 | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt sau khi hoàn thành chương trình đào tạo (kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm) |  |  |  |  |  |
| 7 | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa/Trường |  |  |  |  |  |
| 8 | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được triết lý giáo dục của Nhà trường |  |  |  |  |  |
| 7 | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động |  |  |  |  |  |
| 8 | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được công bố công khai |  |  |  |  |  |
| 9 | Bản mô tả chương trình đào tạo có đầy đủ các nội dung và được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan (tên trường, tên gọi của văn bằng, tên chương trình đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc chương trình dạy học; đề cương học phần;…) |  |  |  |  |  |
| 10 | Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được phổ biến công khai bằng nhiều hình thức khác nhau |  |  |  |  |  |
| 11 | Đề cương chi tiết môn học/học phần cung cấp đầy đủ thông tin giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của môn học |  |  |  |  |  |
| 10 | Đề cương các học phần được định kì rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của nhà trường |  |  |  |  |  |
| 11 | Triết lý giáo dục của nhà trường được thể hiện rõ trong chương trình đào tạo |  |  |  |  |  |
| 12 | Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm |  |  |  |  |  |
| 13 | Chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học đa dạng, phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra |  |  |  |  |  |
| 14 | Các môn học trong chương trình đào tạo đều góp phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra |  |  |  |  |  |
| 15 | Mục tiêu và nội dung của chương trình đào tạo rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội |  |  |  |  |  |
| 16 | Chương trình đào tạo cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành |  |  |  |  |  |
| 17 | Chương trình đào tạo phân bố hợp lí tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành |  |  |  |  |  |
| 18 | Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành học |  |  |  |  |  |
| 19 | Nội dung chương trình đào tạo cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học, đáp ứng nhu cầu xã hội |  |  |  |  |  |
| 20 | Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng |  |  |  |  |  |
| 21 | Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học |  |  |  |  |  |
| 22 | Chương trình đào tạo có các học phần về thực tập, thực tế chuyên môn, rèn nghiệp vụ,... hiệu quả |  |  |  |  |  |
| 23 | Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên đủ kiến thức cần thiết và cập nhật |  |  |  |  |  |
| 24 | Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên đủ kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp |  |  |  |  |  |
| 25 | Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo là phù hợp |  |  |  |  |  |
| 26 | Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp |  |  |  |  |  |

**II. Hoạt động giảng dạy của giảng viên**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Sinh viên được giảng viên giới thiệu rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và học tập học phần, và cách thức đánh giá học phần. |  |  |  |  |  |
| 2 | Sinh viên được giảng viên giới thiệu về tài liệu phục vụ học tập học phần (Giáo trình, bài giảng, sách tham khảo) |  |  |  |  |  |
| 3 | Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm |  |  |  |  |  |
| 4 | Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, chú trọng phát triển kỹ năng diễn đạt, thảo luận của sinh viên trong giờ học |  |  |  |  |  |
| 5 | Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ dạy học |  |  |  |  |  |
| 6 | Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp sinh viên chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra. |  |  |  |  |  |
| 7 | Giảng viên có kiến thức sâu rộng về môn học |  |  |  |  |  |
| 8 | Nội dung bài giảng được trình bày đầy đủ so với đề cương chi tiết môn học |  |  |  |  |  |
| 9 | Giảng viên mở rộng, cập nhật những vấn đề mới bên ngoài nội dung của giáo trình |  |  |  |  |  |
| 10 | Giảng viên liên hệ nội dung của môn học với thực tiễn |  |  |  |  |  |
| 11 | Giảng viên có thái độ thân thiện, tôn trọng người học |  |  |  |  |  |
| 12 | Giảng viên phân bố và sử dụng thời gian lên lớp một cách hợp lý và hiệu quả |  |  |  |  |  |
| 13 | Giảng viên thực hiện nghiêm túc giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy theo đúng quy định |  |  |  |  |  |
| 14 | Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy |  |  |  |  |  |
| 15 | Giảng viên sẵn sàng và kịp thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên liên quan đến môn học |  |  |  |  |  |
| 16 | Giảng viên quản lý tốt sinh viên trong giờ học |  |  |  |  |  |
| 17 | Thể hiện tính chuẩn mực tác phong nhà giáo: trang phục, lời nói, cử chỉ… |  |  |  |  |  |

**III. Các hoạt động kiểm tra đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. |  |  |  |  |  |
| 2 | Giảng viên sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 3 | Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đa dạng, đảm bảo độ giá trị; độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng. |  |  |  |  |  |
| 4 | Đề thi, kiểm tra phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo |  |  |  |  |  |
| 5 | Kết quả thi, kiểm tra học tập được được nhà trường, giảng viên thông báo nhanh chóng, kịp thời |  |  |  |  |  |
| 6 | Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đã giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập (đăng ký học cải thiện điểm, học lại) |  |  |  |  |  |
| 7 | Nhà trường có quy định rõ ràng về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và được công bố công khai tới sinh viên |  |  |  |  |  |
| 8 | Nhà trường có quy định rõ ràng về việc phản hồi (khiếu nại) kết quả đánh giá của người học và được công bố công khai |  |  |  |  |  |
| 9 | Việc thực hiện quy trình thi, đánh giá người học nghiêm túc, đúng quy chế |  |  |  |  |  |
| 10 | Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng. |  |  |  |  |  |

**IV. Các nội dung khác, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo** (đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ sơ vật chất, trang thiết bị và các hoạt động hỗ trợ người học,…)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo được cung cấp đầy đủ kịp thời (các quy chế, quy định, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên) |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau |  |  |  |  |  |
| 3 | Phương thức tổ chức đào tạo của Trường có tính linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người học |  |  |  |  |  |
| 4 | Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và luôn cập nhật kiến thức |  |  |  |  |  |
| 5 | Đội ngũ giảng viên luôn khích lệ, động viên sinh viên thực hiện công việc học tập, nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 6 | Đội ngũ cố vấn học tập am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên |  |  |  |  |  |
| 7 | Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên |  |  |  |  |  |
| 8 | Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên |  |  |  |  |  |
| 9 | Nhân viên các phòng chức năng am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên |  |  |  |  |  |
| 10 | Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng |  |  |  |  |  |
| 11 | Có hệ thống và quy trình giám sát về sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học (Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo và quản lý khoa học, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, đội ngũ Cố vấn học tập và Giáo viên chủ nhiệm,…) |  |  |  |  |  |
| 12 | Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học và được nhà trường thông tin tới giảng viên và sinh viên |  |  |  |  |  |
| 13 | Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập |  |  |  |  |  |
| 14 | Các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động ngoại khoá phong phú, thiết thực, có tác dụng tốt trong học tập, rèn luyện của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 15 | Công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 16 | Môi trường sinh hoạt trong khuôn viên trường an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh. |  |  |  |  |  |
| 17 | Nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập thể dục thể thao cho sinh viên sinh hoạt |  |  |  |  |  |
| 18 | Hệ thống giảng đường, phòng học, phòng chức năng của nhà trường đầy đủ, rộng rãi, thoáng mát, thuận lợi cho việc học tập |  |  |  |  |  |
| 19 | Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng, wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 20 | Phòng học, thí nghiệm, phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động hoc tập và nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 21 | Phòng đọc của thư viện thoáng mát, đủ ánh sáng, đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi |  |  |  |  |  |
| 22 | Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn rõ ràng, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 23 | Thư viện có đầy đủ học liệu gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 24 | Các tài liệu, học liệu (bản in, bản điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 25 | Sinh viên có thể dễ dàng truy cập dữ liệu trên thư viện điện tử |  |  |  |  |  |
| 26 | Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn – trả sách |  |  |  |  |  |

**V. Những ý kiến đề xuất, góp ý khác của Anh/Chị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo**

1. Theo Anh/Chị, có những học phần nào trong chương trình đào tạo cần được tăng thêm thời lượng? Vì sao?

……………………………………………….………………………………………………..

………………………………………………………………..……………….………………. ……………………………………………….……………………………………………….

2. Theo Anh/Chị, có những học phần nào trong chương trình đào tạo cần giảm bớt thời lượng? Vì sao?

……………………………………………….………………………………………………..

………………………………………………………………..……………….………………. ……………………………………………….………………………………………………..

3. Theo Anh/Chị, có những học phần nào trong chương trình đào tạo không cần thiết? Vì sao?

……………………………………………….………………………………………………..

………………………………………………………………..……………….………………. ……………………………………………….………………………………………………..

………………………………………………………………..……………….………………

4.Theo Anh/Chị, cần bổ sung những học phần nào trong chương trình đào tạo? Vì sao?

……………………………………………….………………………………………………..

………………………………………………………………..……………….…………….… ……………………………………………….………………………………………………..

………………………………………………………………..……………….………………

***Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị!***

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH NINH BÌNH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

**VỀ CHẤT LƯỢNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Kính gửi: Quý cơ quan, đơn vị

Để có cơ sở đánh giá, cải tiến, đổi mới chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường Đại học Hoa Lư kính gửi đến Ông/Bà là đại diện của đơn vị sử dụng lao động phiếu khảo sát này mong nhận được ý kiến phản hồi của về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và Chương trình đào tạo (CTĐT). Ông/Bà vui lòng hoàn thành các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô trống Ông/Bà cho là phù hợp hoặc viết tiếp vào chỗ chấm. Nhà trường đảm bảo các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật. Vì vậy, xin Ông/Bà hãy trả lời một cách thẳng thắn và khách quan các câu hỏi dưới đây.

1. **THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ**

*Ông/Bà vui lòng cho biết các thông tin sau:*

1.Họ và tên:……………………………Chức vụ:…………………………….

2.Tên cơ quan:………………………………………………………………….

Địa chỉ:…………………………………………………………………………

Điện thoại:……………………………………Email:………………………

3. Phạm vị hoạt động của đơn vị: Trong nước Ngoài nước

4. Số lượng sinh viên tốt nghiệp khóa D10 – C25 trường Đại học Hoa Lư đang làm việc tại đơn vị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên ngành** | **Số SV đang làm việc tại đơn vị** |
| 1 | Kế toán |  |
| 2 | Quản trị kinh doanh |  |
| 3 | Giáo dục Mầm non – trình độ Đại học |  |
| 4 | Giáo dục Tiểu học |  |
| 5 | Giáo dục Tiểu học – trình độ Cao đẳng |  |
| 6 | Việt Nam học |  |

5. Nhu cầu dự kiến tuyển dụng sinh viên vào làm việc tại đơn vị trong thời gian tới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên ngành** | **Nhu cầu nguồn nhân lực (số lượng)** | | |
| Năm tới | 2-5 năm tới | Trên 5 năm tới |
| 1 | Kế toán |  |  |  |
| 2 | Quản trị kinh doanh |  |  |  |
| 3 | Giáo dục Mầm non – trình độ ĐH |  |  |  |
| 4 | Giáo dục Tiểu học |  |  |  |
| 5 | Giáo dục Mầm non – trình độ CĐ |  |  |  |
| 6 | Việt Nam học |  |  |  |
| 7 | Du lịch |  |  |  |
| 8 | SP Lịch sử - Địa lý |  |  |  |
| 9 | SP Khoa học tự nhiên |  |  |  |
| 10 | Ngành khác:………………………… |  |  |  |
| 11 | Ngành khác:………………………… |  |  |  |

**B. NỘI DUNG KHẢO SÁT**

Xin Ông/Bà cho biết ý kiến bằng cách chọn 1 trong 5 mức độ đánh giá sau:

*1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Bình thường 4. Hài lòng*

*5. Rất hài lòng*

**I. Đánh giá về chất lượng sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Hoa Lư làm việc tại đơn vị của Ông/Bà)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **1** | **Về kiến thức** |  | | | | |
| 1.1 | Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. |  |  |  |  |  |
| 1.3 | Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. |  |  |  |  |  |
| 1.4 | Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. |  |  |  |  |  |
| 1.5 | Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn. |  |  |  |  |  |
| **2** | **Về kĩ năng** |  | | | | |
| 2.1 | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ. |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Kỹ năng sử dụng trang thiết bị hiện đại. |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Kỹ năng xác định mục tiêu, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch. |  |  |  |  |  |
| 2.5 | Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. |  |  |  |  |  |
| 2.6 | Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. |  |  |  |  |  |
| 2.7 | Kỹ năng giao tiếp và ứng xử. |  |  |  |  |  |
| 2.8 | Kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm. |  |  |  |  |  |
| 2.9 | Kỹ năng quản lý nhóm lớp, quản lí hồ sơ chuyên môn. |  |  |  |  |  |
| 2.10 | Kỹ năng viết báo cáo. |  |  |  |  |  |
| 2.11 | Kỹ năng lãnh đạo. |  |  |  |  |  |
| 2.12 | Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin. |  |  |  |  |  |
| 2.13 | Kỹ năng làm việc chủ động, độc lập, sáng tạo. |  |  |  |  |  |
| 2.14 | Năng động, nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi. |  |  |  |  |  |
| **3** | **Mức tự chủ và trách nhiệm** |  | | | | |
| 3.1 | Ý thức trách nhiệm cá nhân. |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Ý thức trách nhiệm đối với tập thể, cộng đồng. |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. |  |  |  |  |  |
| 3.4 | Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. |  |  |  |  |  |
| 3.5 | Tinh thần ham học hỏi và cầu tiến trong công việc. |  |  |  |  |  |

**II. Đánh giá về chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng. |  |  |  |  |  |
| 2 | Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa, của Nhà trường. |  |  |  |  |  |
| 3 | Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học |  |  |  |  |  |
| 4 | Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT (kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm). |  |  |  |  |  |
| 5 | Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa/Trường. |  |  |  |  |  |
| 6 | Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được triết lý giáo dục của Nhà trường. |  |  |  |  |  |
| 7 | Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. |  |  |  |  |  |
| 8 | Mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT được công bố công khai. |  |  |  |  |  |
| 9 | Bản mô tả chương trình đào tạo cung cấp thông tin giúp cho nhà tuyển dụng hiểu về CTĐT và được công bố công khai |  |  |  |  |  |
| 10 | Bản mô tả CTĐT cung cấp thông tin cho nhà tuyển dụng về năng lực và các kỹ năng được trang bị cho người học. |  |  |  |  |  |
| 11 | Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần |  |  |  |  |  |
| 12 | Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm |  |  |  |  |  |
| 13 | CTĐT có phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học đa dạng, phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. |  |  |  |  |  |
| 14 | Các môn học trong chương trình đào tạo đều góp phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra. |  |  |  |  |  |
| 15 | CTĐT cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành. |  |  |  |  |  |
| 16 | CTĐT phân bố hợp lí tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành. |  |  |  |  |  |
| 17 | Nội dung CTĐT phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành học. |  |  |  |  |  |
| 18 | Nội dung CTĐT cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học, đáp ứng nhu cầu xã hội. |  |  |  |  |  |
| 19 | Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng. |  |  |  |  |  |
| 20 | CTĐT có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. |  |  |  |  |  |
| 21 | CTĐT có các học phần về thực tập, thực tế chuyên môn, rèn nghiệp vụ,... hiệu quả. |  |  |  |  |  |
| 22 | CTĐT cung cấp cho sinh viên đủ kiến thức cần thiết và cập nhật. |  |  |  |  |  |
| 23 | CTĐT cung cấp cho sinh viên đủ kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp. |  |  |  |  |  |
| 24 | Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp. |  |  |  |  |  |
| 25 | Nhà trường đảm bảo đủ các điều kiện về cơ sở vật chất (Hệ thống giảng đường, phòng học, phòng chức năng, thư viện…) phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. |  |  |  |  |  |
| 26 | Đội ngũ giảng viên của Nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. |  |  |  |  |  |
| 27 | Nhà trường có hệ thống phục vụ, hỗ trợ đào tạo. |  |  |  |  |  |
| 28 | Người sử dụng lao động có thể tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. |  |  |  |  |  |
| 29 | Luôn có sự gắn kết chặt chẽ giữa trường Đại học Hoa Lư với các nhà tuyển dụng lao động trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm. |  |  |  |  |  |
| 30 | Ông/Bà sẵn sàng khi được mời tham gia xây dựng CTĐT. |  |  |  |  |  |
| 31 | Ông/Bà hài lòng tham gia hướng nghiệp cho người học. |  |  |  |  |  |

**III. Những ý kiến đề xuất, góp ý khác của Ông/Bà**

1. Xin Ông/Bà cho biết sinh viên Trường Đại học Hoa Lư đang làm việc tại Quý đơn vị có những điểm mạnh, điểm yếu nào? (*thời gian bắt đầu công việc tại Quý đơn vị).*

a) Điểm mạnh: :………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………..………..………………………………………………………………………………..………………..

…………………………………………………………………………………………………

b) Điểm yếu:…………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………..……….………………………………………………………………………………..……………….…………………………………………………………………………………………………

2. Theo Ông/Bà, sau khi ra trường sinh viên Trường Đại học Hoa Lư cần được đào tạo bổ sung kiến thức, kỹ năng nào để đáp ứng yêu cầu công việc không? Ông/bà lựa chọn những nội dung phù hợp.

 Không cần

 Kiến thức chuyên môn

 Kỹ năng nghiệp vụ

 Công nghệ thông tin

 Ngoại ngữ

 Kỹ năng mềm

 Kỹ năng khác: ……………..

3. Theo ý kiến của Ông/Bà, những môn học chuyên ngành, kĩ năng mềm nào cần được bổ sung thêm để phù hợp với nhu cầu công việc tại đơn vị?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

4. Theo Ông/Bà, CTĐT cần điều chỉnh, bổ sung nội dung môn học nào để SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của Quý đơn vị nói riêng và thị trường lao động nói chung?

………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………………..……………………………

………………………………………………………………………………………..……….…………………………………………………………………………..…………………….

***Trân trọng cảm ơn sự hợp tác và đóng góp quý báu của Ông/Bà!***